

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-342B INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-342B BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

File No.  
Số Hồ Sơ

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

County \_\_\_\_\_ Seat of Court \_\_\_\_\_  
Quận \_\_\_\_\_ Thành Phố của Tòa Án \_\_\_\_\_

(NOTE: This form should be used for only one DWI conviction. Multiple convictions sentenced under G.S. 20-179 may not be consolidated for judgment.)

(LƯU Ý: Hãy dùng mẫu này cho các trường hợp chỉ bị kết án một khoản tội lái xe trong tình trạng không tỉnh táo. Trường hợp bị kết án nhiều khoản tội thuộc phạm vi của G.S. 20-179 thì không được gộp chung các khoản tội để tuyên án.)

In The General Court Of Justice  
 District  Superior Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án  
 Khu Vực  Thượng Thẩm

STATE VERSUS  
TIỂU BANG CHỐNG LẠI

IMPAIRED DRIVING -  
JUDGMENT AND COMMITMENT  
(For Offenses Committed On Or After Dec. 1, 2011)  
LÁI XE TRONG TÌNH TRẠNG KHÔNG TỈNH TÁO -  
PHÁN QUYẾT VÀ LỆNH GIAM TÙ  
(Dùng cho các tội vi phạm vào hoặc sau  
ngày 1 Tháng Mười Hai năm 2011)

Name Of Defendant  
Tên bị cáo

Race Sex Drivers License No. State Date Of Birth (mm/dd/yyyy)  
Chủng tộc Giới tính Số bằng lái Tiểu bang Ngày sinh (tháng/ngày/năm)

G.S. 20-179  
G.S. 20-179

Date Of Offense  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày phạm tội  
(tháng/ngày/năm)

Attorney For State  
Luật sư đại diện cho tiểu  
bang

Def. Found Not Indigent  
Bị cáo không phải là người nghèo  
 Def. Waived Attorney  
Bị cáo từ bỏ quyền có luật sư

Attorney For Defendant  
Luật sư của bị cáo

Appointed  
Được chỉ định  
 Retained  
Được thuê

Crt Rptr Initials  
Chữ ký tắt của  
tóc ký viên

Offense  Impaired Driving (G.S. 20-138.1).  Impaired Driving in a commercial vehicle (G.S. 20-138.2).  Operating a commercial vehicle after consuming alcohol and this was the defendant's second or subsequent conviction of this offense (G.S. 20-138.2A).  Operating a school bus, school activity bus, child care vehicle, ambulance, other EMS vehicle, firefighting vehicle, or law enforcement vehicle after consuming alcohol and this was the defendant's second or subsequent conviction of this offense (G.S. 20-138.2B).

Tội trạng  Lái xe trong tình trạng không tỉnh táo (G.S. 20-138.1).  Lái xe thương mại trong tình trạng không tỉnh táo (G.S. 20-138.2).  Lái xe thương mại sau khi dùng đồ uống có cồn (rượu, bia...) và đây ít nhất là lần thứ hai bị cáo bị kết tội này (G.S. 20-138.2A).  Điều khiển xe buýt trường học, xe buýt dùng cho các hoạt động trường học, xe của nhà giữ trẻ, xe cứu thương hay loại xe dịch vụ y tế khẩn cấp khác, xe cứu hỏa, hoặc xe thi hành luật pháp sau khi dùng đồ uống có cồn (rượu, bia...) và đây ít nhất là lần thứ hai bị cáo bị kết tội này (G.S. 20-138.2B).

The defendant was found guilty/responsible, pursuant to  plea  pursuant to *Alford* ( of no contest)  trial by judge  trial by jury, of the offense specified above. The Court, based upon the determinations shown on the attached Determination of Sentencing Factors form (AOC-CR-311, Rev. 12/15), has imposed the following punishment level.

Bị cáo đã được xác nhận có tội/chịu trách nhiệm thông qua việc  tự nhận tội ( theo kiểu *Alford*) ( theo kiểu không chối tội)  bị Tòa Án phán quyết có tội  bị bồi thẩm đoàn phán quyết có tội đối với tội trạng nêu trên. Căn cứ vào các xác nhận ghi trong mẫu Xác Nhận các Yếu Tố Cảnh Nhắc Khi Tuyên Án (AOC-CR-311, được sửa đổi tháng 12 năm 2015), Tòa Án tuyên án phạt như sau.

Aggravated Level One.  Level One.  Level Two.  Level Three.  Level Four.  Level Five.

Bạc Một, Có Tình Tiết Tăng Nặng.  Bạc Một.  Bạc Hai.  Bạc Ba.  Bạc Bốn.  Bạc Năm.

The Court, having considered evidence, arguments of counsel and statement of defendant, ORDERS that defendant be imprisoned Sau khi xem xét đầy đủ các bằng chứng, tranh luận của luật sư và lời khai của bị cáo, Tòa Án RA LỆNH giam bị cáo ở tù

for a minimum term of  
trong thời gian tối thiểu là

for a maximum term of  
trong thời gian tối đa là

in the custody of the

Misdemeanant Confinement Program.  
 Other \_\_\_\_\_ (for ordered work release).

dưới sự quản lý của

Chương Trình Giam Giữ Người Phạm Tội Tiểu Hình.

Nơi khác \_\_\_\_\_ (trong trường hợp có lệnh cho tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm).

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Over)  
(Xem mặt sau)

The defendant shall report in a sober condition to begin serving his/her term on: Bị cáo phải trình diện trong tình trạng tỉnh táo để bắt đầu thi hành án tù vào:

Day Thứ trong tuần	Date Ngày	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM sáng
			<input type="checkbox"/> PM chiều

and shall remain in custody until: và sẽ tiếp tục ở tù cho đến:

Day Thứ trong tuần	Date Ngày	Hour Giờ	<input type="checkbox"/> AM sáng
			<input type="checkbox"/> PM chiều

The defendant shall again report in a sober condition to continue serving this term on the same day of the week for the next \_\_\_\_\_ consecutive weeks, and shall remain in custody during the same hours each week.  
Trong \_\_\_\_\_ tuần tiếp theo, bị cáo sẽ trình diện lại vào cùng ngày đó hàng tuần trong tình trạng tỉnh táo để tiếp tục thi hành án tù, và sẽ ở tù theo cùng lịch mỗi tuần.

The defendant shall be given credit for \_\_\_\_\_ days spent in confinement prior to the date of this Judgment as a result of this charge.

(NOTE: No credit may be given for the first 24 hours spent in confinement.)

Bị cáo được trừ \_\_\_\_\_ ngày đã bị giam trước ngày ra phán quyết đối với tội trạng này.

(LƯU Ý: Không tính đến 24 tiếng đầu tiên trong tù giam khi tính thời gian giảm án.)

The sentence imposed above shall begin at the expiration of all sentences which the defendant is presently obligated to serve.

Bản án ban hành trên đây sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong tất cả các bản án khác mà bị cáo đang chịu.

The sentence imposed above shall begin at the expiration of the sentence imposed in the case referenced below:

Bản án ban hành trên đây sẽ bắt đầu có hiệu lực vào ngày bị cáo thi hành xong bản án ghi dưới đây:

File No. Số Hồ Sơ	Offense Vi phạm	County Quận/hạt	Court Tòa án	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)
----------------------	--------------------	--------------------	-----------------	--

The Court further Orders: (check all that apply)

Tòa Án cũng ra lệnh rằng: (đánh dấu tất cả các ô thích hợp)

1. The defendant shall pay to the Clerk of Superior Court the "Total Amount Due" shown below.

Bị cáo phải nộp "Tổng số tiền phải trả" ghi dưới đây cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm.

Costs Án phí	Fine Tiền phạt	Restitution* Tiền bồi thường*	Attorney's Fees Chi phí luật sư	Appt Fee/Misc Lệ phí xếp hạng/Lệ phí khác	Total Amount Due Tổng số tiền phải trả
\$	\$	\$	\$	\$	\$

NOTE: In addition to all other costs, G.S. 7A-304(a)(10) requires a fee of \$100.00 for a conviction of any of the four offenses sentenced on this form.

LƯU Ý: Ngoài tất cả các chi phí khác, G.S. 7A-304(a)(10) còn yêu cầu trả phí 100,00\$ nếu bị kết án bất cứ một trong bốn tội trạng được tuyên án trên mẫu này.

\*See attached "Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing)," AOC-CR-611, which is incorporated by reference.

\*Xem mẫu AOC-CR-611, "Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu)," được hợp nhất vào lệnh này thông qua việc dẫn chiếu.

2. The Court finds that restitution was recommended as part of the defendant's plea arrangement.

Tòa Án xác nhận rằng việc bồi thường được khuyến nghị trong thỏa thuận giảm án dành cho bị cáo.

3. The Court finds just cause to waive costs, as ordered on the attached  AOC-CR-618.  Other: \_\_\_\_\_

Tòa Án xác nhận rằng có cơ sở chính đáng để cho miễn đóng các chi phí theo lệnh ở mẫu đính kèm  AOC-CR-618.

Mẫu khác: \_\_\_\_\_

4. The Court finds that the defendant  is  is not suitable for placement in a county satellite jail/work release unit.

G.S. 15A-1352(a).

Tòa Án xác nhận rằng bị cáo là người  phù hợp  không phù hợp để thụ án ở nhà tù vệ tinh của quận/hạt/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm. G.S. 15A-1352(a).

5. Work release, with the consent of the defendant.

Chương trình vừa ở tù vừa đi làm, nếu bị cáo đồng ý.

a. After any required processing, defendant shall be committed to: [check (1) or (2)]

Sau khi làm các thủ tục giấy tờ cần thiết, bị cáo sẽ được chuyển đến: [đánh dấu câu (1) hoặc (2)]

(1) \_\_\_\_\_ (prison facility within this county)

(1) \_\_\_\_\_ (một cơ sở tù giam ở trong quận/hạt này)

(2) \_\_\_\_\_ (local confinement facility/satellite jail/work release unit within/out of this county)

(2) \_\_\_\_\_ (một cơ sở giam giữ địa phương/nhà tù vệ tinh/cơ sở vừa ở tù vừa đi làm ở trong/ngoại quận/hạt này)

The Sheriff or Board of County Commissioners has consented to commitment to the above-described facility that is not within within this county. G.S. 15A-1352(d).

Cảnh Sát Trưởng Quận/Hạt hay Hội Đồng Quận/Hạt đã đồng ý cho bị cáo thụ án tại cơ sở ở ngoài quận/hạt được nêu trên. G.S. 15A-1352(d).

b. The defendant's work release shall terminate on the date the offender loses his/her job or violates a condition of work release.

Lệnh cho phép bị cáo vừa ở tù vừa đi làm sẽ chấm dứt vào ngày bị cáo mất việc làm hoặc vi phạm một trong các điều kiện đặt ra để được tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.

c. Work release earnings shall be paid to the Clerk for payment of the items and amounts set out above after deduction by the Division of Adult Correction and Juvenile Justice of the amounts allowed under G.S. 148-33.1(f).

Tiền thù lao nhận được khi tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm sẽ được nộp cho Lục Sự Tòa Án để thanh toán các khoản và số tiền nêu trên, sau khi Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên đã khấu trừ các khoản được phép theo điều G.S. 148-33.1(f).

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.

Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.

(Over)

(Xem mặt sau)

The Court recommends:

Tòa Án khuyên nghị:

1. Work release  should  should not be granted.
1.  Nên  Không nên cho phép bị cáo tham gia chương trình vừa ở tù vừa đi làm.
2. Payment as a condition of parole or post-release supervision, if granted, or from work release earnings, if applicable, of the "Total Amount Due" set out above.  but the Court **does not recommend** restitution be paid  as a condition of parole or post-release supervision.  from work release earnings.
2. Bị cáo thanh toán "Tổng số tiền phải trả" nêu trên bằng cách ghi điều kiện đó vào lệnh tha sớm hay lệnh quản chế sau khi được tha tù (nếu có) hoặc bằng việc khấu trừ lương khi vừa ở tù vừa đi làm (nếu tham gia).  tuy nhiên Tòa Án **không khuyên nghị** việc bị cáo thanh toán tiền bồi thường  bằng cách ghi điều kiện đó vào lệnh tha sớm hay lệnh quản chế sau khi được tha tù.  bằng việc khấu trừ lương khi vừa ở tù vừa đi làm.

The Court further Orders (cont.):

Tòa Án cũng ra lệnh rằng (tiếp tục):

The Court further recommends:

Các khuyên nghị thêm của Tòa Án:

**SPECIAL ALCOHOL CONCENTRATION FINDING**  
**XÁC NHẬN ĐẶC BIỆT VỀ NỒNG ĐỘ CHẤT CỒN**

- The defendant's alcohol concentration was 0.15 or greater.  
Nồng độ chất cồn trong cơ thể bị cáo ở mức 0,15 hoặc lớn hơn.
- Other: \_\_\_\_\_  
Xác nhận khác: \_\_\_\_\_

**ORDER OF COMMITMENT**  
**LỆNH GIAM TÙ**

1. It is ORDERED that the Clerk deliver **two** certified copies of this Judgment and Commitment to the sheriff or other qualified officer and that the officer cause the defendant to be delivered with these copies to the custody of the agency named on the reverse to serve the sentence imposed or until the defendant shall have complied with the conditions of release pending appeal.  
Tòa Án RA LỆNH cho Lục Sự giao **hai** bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này cho cảnh sát trưởng quận/hạt hoặc một viên chức có thẩm quyền khác, và ra lệnh cho người đó chuyển bị cáo cùng với các bản sao này đến cơ quan được nêu ở mặt trước để thụ án đã tuyên hoặc đến khi bị cáo đáp ứng các điều kiện để được tại ngoại trong thời gian chờ kháng cáo.
2. The defendant gives notice of appeal from the judgment of the District Court to the Superior Court. The current pretrial release order is modified as follows:  
Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Khu Vực lên Tòa Án Thượng Thẩm. Lệnh tại ngoại chờ xét xử hiện tại được sửa đổi như sau:

**NOTE: Withdrawal of appeal or remand to District Court requires that a new sentencing hearing be scheduled in District Court, unless certain conditions are met. G.S. 20-38.7(c).**

**LƯU Ý: Nếu thông báo kháng cáo được rút lại hoặc vụ án được chuyển trở lại Tòa Án Khu Vực sau này thì Tòa Án Khu Vực sẽ phải lên lịch một phiên tòa tuyên án mới, trừ khi bị cáo đáp ứng một số điều kiện quy định. G.S. 20-38.7(c).**

3. The defendant gives notice of appeal from the judgment of the Superior Court to the appellate division. Appeal entries and any conditions of post-conviction release are set forth on form AOC-CR-350.  
Bị cáo thông báo sẽ kháng cáo phán quyết của Tòa Án Thượng Thẩm lên Tòa Án Phúc Thẩm. Các ghi chú về việc kháng cáo và bất kỳ điều kiện nào để được tại ngoại sau khi bị kết án được ghi rõ trên mẫu AOC-CR-350.

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Presiding Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Chủ Tọa (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Presiding Judge  
Chữ ký của Thẩm Phán Chủ Tọa

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.  
(Over)  
(Xem mặt sau)

**ORDER OF COMMITMENT AFTER APPEAL**  
**LỆNH GIAM TÙ SAU KHI KHÁNG CÁO BẢN ÁN**

Date Remanded To District Court (mm/dd/yyyy)  
Ngày chuyển vụ án trở lại Tòa Án Khu Vực (tháng/ngày/năm)

Date Appeal Dismissed (mm/dd/yyyy)  
Ngày bác bỏ đơn xin kháng cáo (tháng/ngày/năm)

Date Withdrawal Of Appeal Filed (mm/dd/yyyy)  
Ngày rút lại đơn xin kháng cáo (tháng/ngày/năm)

Date Appellate Opinion Certified (mm/dd/yyyy)  
Ngày xác nhận phán quyết của Tòa Án Phúc Thẩm (tháng/ngày/năm)

It is ORDERED that this Judgment be executed. It is FURTHER ORDERED that the sheriff arrest the defendant, if necessary, and recommit the defendant to the custody of the agency named in this Judgment and furnish that agency **two** certified copies of this Judgment and Commitment as authority for the commitment and detention of the defendant.  
Tòa Án RA LỆNH thi hành Phán Quyết này. Tòa án cũng RA LỆNH cho cảnh sát trưởng quận/hạt bắt giữ bị cáo, nếu cần, và giao bị cáo lại cho cơ quan được nêu trong Phán Quyết này, và cung cấp cho cơ quan đó **hai** bản sao y bản chính của Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này để làm giấy tờ ủy quyền cho việc giam giữ bị cáo này.

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Clerk  
Chữ ký của Lục Sự

Deputy CSC  
Phó LSTTT

Asst. CSC  
Phụ tá LSTTT

Clerk Of Superior Court  
Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

**CERTIFICATION**  
**CHỨNG NHẬN**

I certify that this Judgment and Commitment and the attachment(s) marked below is a true and complete copy of the original which is on file in this case.

Tôi xác nhận rằng Phán Quyết và Lệnh Giam Tù này, cùng với (các) văn bản đính kèm được đánh dấu dưới đây, đều là các bản sao chính xác và đầy đủ của bản gốc hiện được lưu ở hồ sơ vụ án.

1. Appellate Entries (AOC-CR-350)  
Các Ghi Chú Về Việc Kháng Cáo (AOC-CR-350)
2. Determination Of Sentencing Factors (AOC-CR-311, Rev. 12/15)  
Bản Xác Nhận các Yếu Tố Cân Nhắc Khi Tuyên Án (AOC-CR-311, được sửa đổi tháng 12 năm 2015)
3. Restitution Worksheet, Notice And Order (Initial Sentencing) (AOC-CR-611)  
Bảng Tính Tiền Bồi Thường, Thông Báo và Lệnh (Tuyên Án Lần Đầu) (AOC-CR-611)
4. Other: \_\_\_\_\_  
Văn bản khác: \_\_\_\_\_

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Date Certified Copies Delivered To Sheriff (mm/dd/yyyy)  
Ngày giao bản sao y bản chính cho cảnh sát trưởng quận/hạt (tháng/ngày/năm)

Signature Of Clerk  
Chữ ký của Lục Sự

Deputy CSC  
Phó LSTTT

Asst. CSC  
Phụ tá LSTTT

Clerk Of Superior Court  
Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

**SEAL**  
**ĐÓNG DẤU**

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY

Material opposite unmarked squares is to be disregarded as surplusage.  
Các nội dung không được đánh dấu vào ô vuông phải được coi là nội dung thừa, không liên quan.